

HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ XANH LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

HÀ HUY NGỌC*
TRẦN NGỌC NGOẠI**

1. Xu hướng “xanh hoá” nền kinh tế sau khủng hoảng tài chính toàn cầu

Những năm cuối thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI đã chứng kiến nhiều biến động cả về kinh tế, chính trị và nhiều phương diện khác của đời sống xã hội. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu cho thấy những mâu thuẫn, rủi ro và các tác động tiêu cực khó lường của toàn cầu hóa trong thế kỷ XXI. Bên cạnh đó, thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức an ninh phi truyền thống toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể giải quyết được:

Một là, an ninh lương thực toàn cầu đang bị đe dọa, giá lương thực tăng kỷ lục, cộng với dự trữ lương thực ở mức rất thấp khiến nguy cơ khủng hoảng lương thực luôn thường trực. Bên cạnh đó là những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, vấn đề nguồn nước sạch, bùng nổ dân số, cầu về sử dụng lương thực để chế biến ethanol tăng mạnh, và bất ổn chính trị do thiếu đói. Ngày nay, an ninh lương thực không chỉ là vấn đề của các nước nghèo, mà còn là mối đe dọa tiềm tàng của các nước phát triển.

Hai là, nguy cơ mất an ninh năng lượng, trong khi những áp lực đối với nguồn cung năng lượng ngày càng nặng nề, thì cầu về loại năng lượng này lại có xu hướng tăng mạnh với sự nổi lên của các nền kinh tế lớn

như Trung Quốc và Ấn Độ cùng hàng loạt các nền kinh tế mới nổi khác. Sự chênh lệch cung - cầu ngày càng lớn đe dọa sẽ đẩy giá dầu tăng cao khiến cho viễn cảnh về một cuộc khủng hoảng năng lượng tiềm ẩn sẽ không còn là quá xa.

Ba là, biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu, mà trước hết là sự tăng lên của nhiệt độ trái đất và mực nước biển dâng, các thảm họa thiên tai..., là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI. Thảm họa thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác đang gia tăng ở hầu hết các nơi trên thế giới, nhiệt độ và mực nước biển trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh chưa từng có và đang là mối lo ngại của các quốc gia trên thế giới¹.

Cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và những vấn đề an ninh phi truyền thống đã làm bộc lộ những mâu thuẫn, rủi ro khó lường của các mô hình kinh tế hiện tại và đặt ra yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế để tạo lập lại nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Tuy nhiên, có một thực tế rằng, nếu như việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế chỉ bó hẹp trong phương thức phát triển truyền thống, vốn đặt sức ép quá lớn lên các nguồn lực tự nhiên, thì nó đang trở nên không còn phù hợp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu chú trọng vào mặt “hiệu quả - lợi nhuận” đơn thuần của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà ít tính đến các chi phí phải đầu tư để ngăn ngừa,

* Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững.

** TS. Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững.

giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường đang tạo ra sự tàn phá nhiều hơn là của cải thực. Bằng chứng là, nó đang gây ra những chu kỳ suy thoái kinh tế, khủng hoảng sinh thái trầm trọng và biến đổi khí hậu toàn cầu. Mô hình phát triển kinh tế hiện tại dường như không còn phù hợp nữa đối với mục tiêu phát triển bền vững.

Vì vậy, một phương thức chuyển đổi quan trọng là xu hướng phát triển “*xanh*” trong bối cảnh *biến đổi khí hậu*, đang được một số quốc gia ưu tiên lựa chọn. Trong gần hai thập kỷ qua, kể từ khi Chương trình nghị sự 21 (Agenda 21) được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh trái đất (Hội nghị của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển) ở Rio de Janeiro năm 1992, *tăng trưởng xanh* nhằm chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường đã trở thành một trong những mục tiêu phát triển.

Tuy nhiên, trong thời kỳ hậu khủng hoảng, không phải nước nào cũng có những ưu tiên như nhau trong việc tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển xanh. Trong khi cấu phần “*Xanh*” chiếm một tỷ lệ quan trọng trong gói kích thích kinh tế của một số nước và khu vực như Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc và thậm chí cả Trung Quốc, thì nó chiếm một tỷ lệ không đáng kể hoặc hầu như không có trong gói kích thích kinh tế của nhiều quốc gia khác như Mỹ, Thái Lan, Chilê, Ấn Độ....

Một câu hỏi đặt ra là: *tại sao các nước lại có những ưu tiên khác nhau trong vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế vì mục tiêu chống biến đổi khí hậu toàn cầu?* Phải chăng, như các cách suy luận thông thường, đó là do sự khác biệt về trình độ phát triển, hay nói một cách khác rằng, những nước có trình độ phát triển cao hơn và có điều kiện hơn sẽ quan tâm nhiều hơn đối với vấn đề chống biến đổi khí hậu toàn cầu?

Thực tế không phải như vậy, không thể sử dụng lý do về trình độ phát triển để giải

thích: tại sao cấu phần “*xanh*” chiếm đến 38% giá trị của gói kích thích kinh tế của Trung Quốc, song vắng bóng trong gói kích thích kinh tế của Ấn Độ? Tại sao tỷ lệ này của Mỹ ở mức 12%, thậm chí còn thấp hơn cả Trung Quốc, trong khi Mỹ được xem là nước có những công nghệ sạch nhất trên thế giới? Hay tại sao tỷ lệ này có thể lên đến 81% trong gói kích thích kinh tế của Hàn Quốc, thậm chí còn cao hơn cả EU (59%) và Nhật Bản (2,6%) là hai nền kinh tế phát triển hơn và luôn được xem là đi đầu trong lĩnh vực chống biến đổi khí hậu toàn cầu? (Bảng 1)

Bảng 1: Tỷ lệ của cấu phần “*xanh*” trong tổng giá trị gói kích thích kinh tế

Nước	Tỷ lệ (%)	Nước	Tỷ lệ (%)
Hàn Quốc	81	Đức	13
EU	59	Mỹ	2
Trung Quốc	3	Nhật Bản	2,6
Pháp	21	Ấn Độ	0

Nguồn: HSBC global research. 2009. A Climate for Recovery: The Color of Stimulus Goes Green.

Một câu hỏi khác đặt ra là: phải chăng tái cấu trúc kinh tế theo hướng phát triển “*Xanh*” có thể thành công nếu chỉ tiến hành ở một vài quốc gia thay vì ở cấp độ toàn cầu? Câu trả lời rõ ràng là “*không*” vì bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu đã là một vấn đề toàn cầu. Song, quan trọng hơn, nếu như nhận thức được rằng chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn nhân loại, vậy thì có cách nào để phối hợp hành động giữa các quốc gia trong vấn đề tái cấu trúc kinh tế theo hướng phát triển “*Xanh*” một cách hiệu quả hơn?

Bối cảnh phát triển hiện nay cho thấy yêu cầu cần có những thay đổi mạnh mẽ hơn nữa để hướng tới một nền *kinh tế xanh*. Những thay đổi này *không chỉ đơn thuần về mặt*

nhận thức mà còn phải cả thực tiễn hành động: từ chuyển đổi mô hình công nghiệp hóa, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành công nghệ cao, thay đổi phương thức sử dụng năng lượng, xây dựng các thể chế mới cho nền kinh tế cho đến thay đổi thói quen tiêu dùng...

2. Tại sao Việt Nam nên hướng tới nền kinh tế xanh?

a. *Tăng trưởng xanh chính là hướng tới một mô hình tăng trưởng bền vững (giải quyết các thất bại của thị trường, giảm thiểu những rủi ro môi trường, những khan hiếm sinh thái) và dựa vào “chiều sâu” (dựa trên năng suất các nhân tố tổng hợp).*

Tăng trưởng xanh không chỉ là động lực phục hồi nền kinh tế sau khủng hoảng, mà còn là mô hình và công cụ thực hiện phát triển bền vững với 3 thành tố: (1) phát triển kinh tế; (2) đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; (3) bảo vệ môi trường. Dựa trên những lợi thế so sánh Việt Nam có nhiều tiềm năng để hướng tới một nền kinh tế xanh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thu hẹp khu vực “kinh tế nâu”, mở rộng khu vực “kinh tế xanh” trên cơ sở lợi thế so sánh về “vốn tự nhiên”, vị trí “địa chiến lược”, vốn con người - thời cơ “dân số vàng”. Để hướng tới nền kinh tế xanh thì cần phải đổi mới và hoàn thiện thể chế thị trường khoa học công nghệ theo hướng “xanh hoá”, định rõ vai trò của Nhà nước trong việc hình thành và thúc đẩy các thể chế trên thị trường khoa học công nghệ thân thiện với môi trường, để từ đó biến sản phẩm khoa học công nghệ thành một đầu vào quan trọng cho việc tăng năng suất của nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, và chuyển hướng từ một nền kinh tế tăng trưởng dựa vào các nhân tố sản xuất sang một nền kinh tế tăng trưởng bền vững dựa vào việc tăng năng suất các nhân tố tổng hợp.

b. *Việt Nam có nhiều lợi thế “tinh và động” để hướng tới một nền kinh tế xanh:*

lợi thế địa chiến lược; lợi thế “vốn tự nhiên”, tài nguyên thiên nhiên; lợi thế “dân số vàng”...

c. *Theo dự báo của UNEP² thì bước chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, quá trình xanh hoá không những tạo thêm của cải, đặc biệt là tài sản sinh thái và vốn tự nhiên, mà còn gia tăng tốc độ tăng trưởng GDP. Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế xanh, những việc làm mới được tạo ra dần dần sẽ lấp đầy những khoảng trống do xoá bỏ việc làm trong nền “kinh tế nâu”*

d. *Hướng tới nền kinh tế xanh chính là quá trình tái cân bằng lại các nguồn lực cho phát triển, ưu tiên đầu tư các nguồn lực vào các ngành, lĩnh vực “xanh hoá” nền kinh tế*

Quá trình chuyển sang nền kinh tế xanh cũng chính là quá trình tái phân bổ lại các nguồn lực cho phát triển trên toàn cầu và ở mỗi quốc gia. Trong hai thập niên gần đây, phần lớn các nguồn lực được đầu tư cho sản xuất vật chất, tài chính... đầu tư cho “kinh tế nâu” mà thiếu quan tâm tới sự cạn kiệt của vốn tự nhiên và hệ sinh thái. Chính mô hình này đã gây ra những tác động ngoại biên hầu như không kiểm soát được đối với xã hội và môi trường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của thế hệ ngày nay cũng như để lại những thách thức, rủi ro cho thế hệ tương lai. Những cuộc khủng hoảng liên tiếp gần đây là minh chứng cho nhận định này. Vì thế, các Chính phủ cần có các chính sách công để phân bổ lại các nguồn lực, tập trung đầu tư nhiều hơn cho “kinh tế xanh” để tái cân bằng được mô hình tăng trưởng: (1) chất lượng tăng trưởng kinh tế; (2) hiệu quả sinh thái; (3) bền vững môi trường;

e. *Cơ hội để hướng tới “kinh tế xanh” đối với các quốc gia là như nhau, và không nhất thiết là quốc gia đó đang ở thang bậc phát triển nào - quốc gia phát triển hay kém phát triển. Tuy nhiên, bước quá độ sang nền kinh tế xanh ở mỗi quốc gia sẽ rất khác nhau, bởi*

nó phù thuộc vào đặc thù về “vốn tự nhiên” và “vốn con người”.

f. Bước chuyển dịch sang nền tảng công nghệ mới (công nghệ xanh và năng lượng thay thế) sẽ tạo ra những động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế thế giới. Việt Nam phải lựa chọn phương thức tăng trưởng theo hướng nào để nắm bắt được các động lực mới này, bằng không sẽ tụt lại xa hơn trên các nấc thang công nghệ thế giới?

g. Hướng tới nền kinh tế xanh cũng chính là tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Việc tái cấu trúc theo hướng “xanh hoá” nền kinh tế được nhiều Chính phủ thiết kế trong các gói kích thích kinh tế. Cùng với những thách thức từ hiện tượng biến đổi khí hậu, xu hướng đầu tư vào các ngành khoa học sự sống, công nghệ môi trường, các ngành kinh tế các-bon thấp, các nguồn năng lượng thay thế sẽ gia tăng mạnh mẽ trong thời gian tới. Đây là những lĩnh vực Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển và là “chìa khoá” để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

h. Tăng trưởng xanh sẽ góp phần khắc phục những hạn chế trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hoạt động xuất - nhập khẩu. Mặc dù, Việt Nam xác lập được lợi thế cạnh tranh trong một số nhóm hàng hoá cơ bản, song đây lại là ngành hàng không còn tăng trưởng mạnh trong nền thương mại thế giới, đồng thời lại rất dễ tổn thương trước các đối thủ cạnh tranh mới, có chi phí lao động thấp. Chính sách thu hút FDI còn nhiều bất cập như:

- Các dự án FDI chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác tài nguyên, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, đây là những nhóm ngành gây nguy cơ ô nhiễm cao, trình độ công nghệ và độ lan tỏa công nghệ của các dự án FDI cũng rất thấp³. Bên cạnh đó để thực hiện “trải thảm đỏ” trong chính sách ưu đãi đầu tư các địa phương bỏ

qua các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, đánh giá tác động môi trường dẫn đến ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.⁴ Khu vực FDI cùng với các Công ty xuyên quốc gia (TNC) chưa chuyển giao công nghệ hiệu quả cho Việt Nam. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy vì xung đột lợi ích giữa tối đa hoá lợi nhuận toàn cầu của các TNC với các mục tiêu phát triển của nước nhận đầu tư, khiến các TNC hiếm khi đầu tư cho R&D tại các nước nhận đầu tư kém phát triển. Việt Nam không nên chỉ trông chờ vào các TNC và FDI để có được chuyển giao công nghệ và hình thành năng lực công nghệ mới, mà nên hướng nhiều hơn đến khu vực doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tư nhân. Một khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước hiện tại đang nhỏ bé, yếu kém và mong manh, nhưng nếu có các chính sách phát triển (các thể chế cho phát triển) đồng bộ, bình đẳng, minh bạch thì cũng sẽ trở thành một lực lượng thúc đẩy phát triển công nghệ theo hướng “xanh hoá”.

- Việc nhập khẩu các công nghệ lạc hậu của các dự án có thể gây ô nhiễm môi trường thông qua sự phát thải. Kết quả khảo sát gần đây tại các KCN ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy trình độ công nghệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thấp hơn so với các doanh nghiệp trong nước. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp nước ngoài có điểm đánh giá trình độ công nghệ dưới trung bình là 60%, so với doanh nghiệp trong nước là 43%.⁵

- Dẫn tới việc hình thành hàng loạt khu công nghiệp, khu chế xuất mới và ra đời nhiều dự án sử dụng nhiều đất như sân golf, khu đô thị, khu vui chơi giải trí. Việc lựa chọn địa điểm các KCN-KCX và các dự án nếu không được cân nhắc một cách thận trọng thì có thể làm phá vỡ các hệ sinh thái và suy giảm đa dạng sinh học.

- Có thể làm gia tăng việc sản xuất các sản phẩm không thân với môi trường. Đây là hệ quả của việc các nhà đầu tư nước ngoài chuyển việc sản xuất các sản phẩm không thân thiện với môi trường từ những nơi có pháp luật môi trường nghiêm minh sang những nơi có những qui định về môi trường lỏng lẻo hơn.

- Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là hàng nguyên liệu hoặc chế biến thô, tài nguyên thô. Hàm lượng công nghệ trong hàng xuất khẩu thấp⁶ do chưa kết nối tốt với các mạng sản xuất khu vực và chuỗi giá trị toàn cầu. Các nghiên cứu số liệu cho thấy trong tương lai gần Việt Nam có ít khả năng đạt được năng lực công nghệ cần thiết để dịch chuyển lên nấc thang chuỗi giá trị cao hơn.⁷

i. Ngày càng có nhiều bằng chứng chứng minh rằng quá trình “xanh hoá” các nền kinh tế không cản trở các cơ hội tạo ra của cải hay việc làm và nhiều khu vực kinh tế xanh là những cơ hội lớn để đầu tư sinh lợi nhuận và tạo ra việc làm. Vì vậy, cần thiết lập khung chính sách hỗ trợ mới để thúc đẩy sự chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, và đã đến lúc các nhà hoạch định chính sách trên thế giới cần hành động nhanh chóng.

3. Những lợi thế so sánh để Việt Nam hướng tới nền kinh tế xanh

3.1. Lợi thế

a. Phát triển bền vững được thể chế hoá, tư duy phát triển “kinh tế xanh” đang dần hình thành

- Hiện nay sự quan tâm lớn nhất của cộng đồng thế giới là BĐKH. Nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, các quốc gia đang có nhiều nỗ lực, trong đó phát triển kinh tế cac-bon thấp, tăng trưởng xanh đang là những xu hướng mới trong lộ trình tiến tới “Nền kinh tế xanh”. Việt nam sẽ đón nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của các

quốc gia và các tổ chức quốc tế trên thế giới trong nỗ lực chung giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở hướng tới “Nền kinh tế xanh”.

- Việt Nam đang có những thay đổi cơ bản sau 25 năm Đổi mới và hội nhập, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới một sự phát triển vì con người. Những yếu tố đó được thực hiện trong một môi trường chính trị ổn định là cơ hội tốt cho triển khai thực hiện “Nền kinh tế xanh”.

- Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới và suy giảm tăng trưởng kinh tế trong nước, vấn đề đặt ra là nhìn nhận lại tư duy phát triển và đẩy mạnh cải cách, vượt qua những cản trở nội tại đối với sự phát triển của nền kinh tế. Vì vậy, nhiệm vụ tái cấu trúc nền kinh tế đã được Đảng, Chính phủ và Quốc hội đưa vào các chỉ đạo và định hướng chính sách từ năm 2009, nhằm tìm ra một mô hình tăng trưởng ổn định và bền vững. Trong Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2020, Đảng nhận định “Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế... sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.”; “phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt” và “phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”. Vì thế, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế theo hướng kinh tế xanh sẽ góp phần cụ thể hóa, những chủ trương, chính sách trên trong thời gian tới. Tiếp tục triển khai, thực hiện chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2015. Hội nghị lần thứ 3 BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo phúc lợi và an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Như vậy, Việt Nam sẽ đẩy mạnh

“Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng” trong thời gian sắp tới. Đây là cơ hội để Việt Nam hướng tới “Nền Kinh tế xanh” và “Tăng trưởng xanh”.

- Kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng trong những năm vừa qua tạo ra nội lực bên trong cho một xu thế phát triển mới. Hướng tới một nền kinh tế xanh sẽ được sự đồng thuận cao của xã hội. Sau một thời gian phát triển từ khi đổi mới và mở cửa, người dân đã nhận thức được sự trả giá của mô hình phát triển của nền “kinh tế nâu”.

b. Lợi thế so sánh về “vốn tự nhiên”, “vốn sinh thái”

- Là một trong những trung tâm đa dạng sinh học của thế giới với nhiều hệ sinh thái tự nhiên, hệ thực vật phong phú;

- Hệ thống sông hồ dày đặc với hơn 2.600 con sông lớn nhỏ, tiềm năng thủy điện lớn;

- Bờ biển dài hơn 3.260 km, diện tích vùng lãnh hải hơn 1,2 triệu km², có nhiều tiềm năng để khai thác năng lượng biển; năng lượng thủy triều, năng lượng gió;

- Việt Nam có bức xạ mặt trời vào loại cao trên thế giới, với số giờ nắng dao động từ 1.600-2.600 giờ/năm, đặc biệt là khu vực phía Nam. Việt Nam hiện có trên 100 trạm quan trắc toàn quốc để theo dõi dữ liệu về năng lượng mặt trời. Tính trung bình toàn quốc thì bức xạ mặt trời dao động từ 3,8-5,2 kWh/m²/ngày. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển điện mặt trời;

- Có nhiều tiềm năng để phát triển năng lượng sinh học, sinh khối⁸;

- Có thể phát triển các nông nghiệp dựa trên lợi thế so sánh các hệ sinh thái;

- Cảnh quan thiên nhiên, các dịch vụ môi trường đa dạng, phong phú mở ra cơ hội phát triển du lịch sinh thái.

c. Lợi thế so sánh về “địa chiến lược”

d. Lợi thế so sánh về “vốn con người”- đất nước bước vào thời cơ “dân số vàng”

e. Việt Nam đang hội nhập “sâu” và toàn diện vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu, tranh thủ được các nguồn lực, cơ hội để thúc đẩy kinh tế xanh

3.2. Thách thức

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, nhất là đi vào những lĩnh vực và xu hướng tiên phong, ngay cả đối với thế giới như phát triển xanh, tất yếu đặt ra những đòi hỏi và những thách thức không nhỏ đối với Việt Nam. Phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay vẫn còn theo mô hình truyền thống, dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu thô và sơ chế. Chính mô hình phát triển đó đã làm cho môi trường Việt Nam đứng trước 5 vấn đề bức xúc sau: (1) Ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng tại 3 lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy, sông Đồng Nai; (2) Ô nhiễm đô thị, các khu công nghiệp, làng nghề ngày càng trầm trọng; (3) Đa dạng sinh học suy giảm nghiêm trọng, hệ sinh thái tự nhiên bị thu hẹp; (4) An ninh môi trường bị đe dọa, ô nhiễm xuyên biên giới chưa thể kiểm soát, sinh vật ngoại lai xâm hại và sinh vật biến đổi gen xâm lấn ngày càng tăng; (5) Khai thác khoáng sản gây hủy hoại môi trường. Thêm vào đó, các vấn đề biến đổi khí hậu, thiên tai, sự cố môi trường có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây càng làm cho Việt Nam đứng trước những thách thức rất lớn...⁹

- Tăng trưởng kinh tế đang dựa vào khai thác tài nguyên cường độ sử dụng cao, công nghệ khai thác lạc hậu, hiệu quả sử dụng thấp và với quan điểm khai thác “tận thu, tận khai tài nguyên” ;

- Các ngành kinh tế “nâu” gây ô nhiễm môi trường đang chiếm tỷ trọng lớn trong

nền kinh tế: khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp hoá chất...

- Công nghệ sản xuất lạc hậu, chậm đổi mới nên tiêu tốn nhiều năng lượng;

- Sử dụng năng lượng có nguồn gốc hoá thạch lớn, đặc biệt là than đá;

- Ngành năng lượng sạch, năng lượng tái tạo chưa phát triển

- Thiếu vắng các ngành kinh tế hỗ trợ, giải quyết những hậu quả về môi trường, như: phát triển chuyên giao công nghệ môi trường, công nghiệp tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải, dịch vụ môi trường;

- Về nhận thức, hiểu thế nào là một nền “kinh tế xanh” hiện nay ở Việt nam vẫn còn hết sức mới mẻ, đòi hỏi phải có những nghiên cứu và phổ biến rộng rãi kiến thức trong tầng lớp lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và người dân. Nếu không nhận thức đầy đủ, tính đồng thuận trong xã hội sẽ không đạt được, do vậy sẽ khó thực hiện.

- Nền kinh tế xanh gắn với sử dụng năng lượng tái tạo, cac-bon thấp, tăng trưởng xanh, đầu tư khôi phục hệ sinh thái, giải quyết sinh kế gắn với phục hồi môi trường.... Thực tế công nghệ sản xuất ở Việt nam hiện nay so với thế giới phần lớn là công nghệ cũ, tiêu hao năng lượng lớn, việc thay đổi công nghệ mới phù hợp với nền kinh tế xanh là thách thức không nhỏ nếu không có trợ giúp của các nước có công nghệ cao trên thế giới.

- Về huy động nguồn vốn cho thực hiện mục tiêu “Xây dựng nền kinh xanh”, mặc dù Việt nam đã thoát khỏi ngưỡng của nước nghèo nhưng tích lũy quốc gia so với các nước đã phát triển còn quá thấp, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình triển khai hướng tới “Nền kinh tế xanh”.

- Cơ chế chính sách hướng tới thực hiện “Nền kinh tế xanh” ở Việt nam hiện nay gần như chưa có, trong khi trên thế giới cũng mới đề xuất hướng tiếp cận. Việc rà soát lại cơ chế chính sách liên quan và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với mô hình phát triển mới theo hướng cơ cấu lại ngành kinh tế và hướng tới nền “kinh tế xanh” là thách thức không nhỏ.

4. Lựa chọn chính sách ưu tiên cho Việt Nam để hướng tới nền kinh tế xanh

Để thực hiện nền “Kinh tế xanh” ở Việt Nam cần thực hiện những định hướng cơ bản sau đây:

- Về cơ chế chính sách, cần tập trung vào tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là cơ cấu lại ngành nghề, ưu tiên phát triển các ngành có công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường; Sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; Không gây ô nhiễm môi trường; Phục hồi tài nguyên và hệ sinh thái.

- Về nhận thức, tập trung tuyên truyền, giáo dục định hướng thay đổi nhận thức trước đây của xã hội từ nền “Kinh tế nâu” sang nền “Kinh tế xanh” để tạo ra một sự đồng thuận cao trong xã hội, từ lãnh đạo đến người dân và doanh nghiệp, từ đó thay đổi quan niệm và nhận thức về một “Nền kinh tế xanh”. Trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, đổi mới giáo trình, bài giảng theo hướng tiếp cận phát triển “Nền kinh tế xanh”. Nâng cấp nội dung “Kinh tế môi trường” và “Kinh tế tài nguyên thiên nhiên” truyền thống theo hướng giảng dạy “Kinh tế xanh”.

- Tạo lập chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam (khung pháp lý cho tăng trưởng xanh, xoá bỏ những rào cản đối với các khoản đầu tư xanh; chính sách tài chính; xanh hoá hệ thống thuế, phí để hướng tới sản xuất và tiêu dùng¹⁰; chính sách thúc đẩy “xanh hoá” công nghệ (đầu tư vào lĩnh vực khoa học công nghệ mới, khoa học sự sống,

năng lượng mới, năng lượng tái tạo..., ưu đãi khu vực tư nhân đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh... Tất cả những chính sách trên nhằm mục đích “kích thích” xanh hoá các thành phần kinh tế, ngành/lĩnh vực kinh tế: “xanh hoá nông nghiệp; xanh hoá công nghiệp; xanh hoá dịch vụ, xanh hoá công nghệ”.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế dựa vào các hệ sinh thái, nhằm phát huy lợi thế so sánh, kết hợp duy trì và phát triển “vốn tự nhiên” của Việt Nam: dịch vụ hệ sinh thái; du lịch sinh thái, thu thuế, phí dịch vụ rừng...;

- *Để hướng tới một mô hình tăng trưởng xanh, vai trò của “nhà nước phát triển”¹¹ là cần thiết:* Để nhà nước đóng vai trò dẫn dắt quá trình tăng trưởng xanh, nhà nước đó phải có mức độ tự chủ tương đối, phải có mối quan hệ tương hỗ và cộng sinh với khu vực tư nhân. Trong mô hình hướng tới nền kinh tế xanh nhà nước cần có những cơ chế để xoá bỏ những rào cản đối với các khoản đầu tư xanh, ưu tiên đầu tư và chỉ tiêu của Chính phủ trong những lĩnh vực kích thích xanh hoá các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào kinh tế xanh.

- Xanh hoá hệ thống thuế và xem xét lại thuế môi trường hướng tới phát triển nền kinh tế xanh được điều chỉnh thông qua công cụ tài chính và thuế khóa, nhằm khuyến khích tiết kiệm và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên quý hiếm, bảo vệ môi trường.

- Tích cực hợp tác quốc tế trong nỗ lực xây dựng “Nền kinh tế xanh” ở Việt Nam, huy động các nguồn lực hỗ trợ của quốc tế, nhất là nguồn vốn đầu tư 2% GDP toàn cầu cho phát triển Kinh tế xanh. Các cơ chế tài chính khác cho phát triển rừng như REDD+; CDM.

Chú thích

1. Theo báo cáo lần thứ 4 của IPPC (2007) về biến đổi khí hậu toàn cầu cho thấy BĐKH sẽ tác động

ng nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới: đến 2080 sản lượng ngũ cốc có thể giảm 2-4%, giá sẽ tăng 13-45%, tỷ lệ dân số bị ảnh hưởng của nạn đói chiếm 36-50%; mực nước biển dâng cao gây ngập lụt, gây nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến nông nghiệp. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (2007), Việt Nam là một trong những quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của BĐKH và nước biển dâng và tác động lớn đến kinh tế-xã hội, trong đó vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long bị ngập nặng nhất. Nếu mực nước biển dâng 1m sẽ có khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất đối với GDP khoảng 10%. Nếu nước biển dâng 3m sẽ có khoảng 25% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất đối với GDP lên tới 25%.

2. Đầu tư 0,03% GDP trong giai đoạn 2011-2050 để chi trả cho chủ sở hữu đất lâm nghiệp nhằm bảo tồn rừng, và đầu tư nhân trong tái trồng rừng có thể nâng cao giá trị gia tăng trong ngành này hơn 20% so với điều kiện thông thường, đồng thời cải thiện việc làm. Cũng tương tự như vậy, đầu tư vào nông nghiệp xanh trong giai đoạn 2010-2050 khoảng 100-300 tỷ USD/năm thì sẽ cải thiện được chất lượng đất và tăng sản lượng chung của các vụ mùa chính, gia tăng 10% sản lượng so với chiến lược đầu tư hiện nay. Nguồn: Towards a Green Economy-Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication-A Synthesis for policy makert (UNEP 2011)

3. Theo kết quả điều tra của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM tiến hành năm 2008 tại 429 doanh nghiệp đang hoạt động tại 11 KCN, KCX ở Thành phố HCM, thì chỉ có 1% doanh nghiệp có trình độ công nghệ đạt mức tiên tiến, 4% đạt loại khá, 8% trung bình khá, 36% đạt trung bình và tới 51% có trình độ công nghệ ở mức yếu. KCX Tân Thuận hiện đã được lấp đầy và phần lớn là FIEs, Nguồn: Ngô Hoàng Minh, Ban Quản lý các KCN TP.Hồ Chí Minh và Trang tin điện tử của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (<http://www.vinasme.com.vn> ngày 7/1/2009).

4. Theo kết quả điều tra các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khai thác khoáng sản năm 2008 do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2009, chỉ có 38% doanh nghiệp có cam kết đánh giá tác động môi trường và cam kết môi trường, 23% ký quỹ môi trường với chính quyền địa phương, 33% công ty có chứng chỉ ISO 14001; 78% công ty có bộ phận/tổ/cá nhân phụ trách môi trường. Theo báo cáo của Ban quản lý các KCN, KCX TP. Hồ Chí Minh, trong danh sách 26 doanh nghiệp vi phạm luật bảo vệ môi trường năm

2008 được phát hiện thì có 3 doanh nghiệp nước ngoài, chiếm 11,5%. Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc, năm 2007, trong 110 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ có 53 dự án lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định, đạt 48,6%. Trong số 53 dự án, chỉ có 21 doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải, đạt 39,6%. Điển hình là năm 2008 là trường hợp Công ty Vedan, KCN Đồng Nai xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Thị Vải được phát hiện vào tháng 9 năm 2008. Công ty này đã có 10 lỗi vi phạm, trong đó đáng chú ý là việc xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ 10 lần trở lên tại nhà máy bột ngọt, nhà máy tinh bột... Mỗi nhà máy của Vedan thải lượng nước thải từ 50 m³ đến dưới 5.000 m³ một ngày. Các thông số ô nhiễm của Vedan cao gấp hàng ngàn lần tiêu chuẩn cho phép. Ví dụ, tại bể chứa chất thải 6.000 - 15.000 m³, thông số về màu vượt tiêu chuẩn từ 2.600 - 3.675 lần, COD vượt từ 195 đến gần 3.000 lần, BOD vượt từ 191 đến 1.157 lần... Ngoài ra, các chất thải nguy hại không được Vedan quản lý đúng quy định bảo vệ môi trường, thải mùi hôi thối khó chịu trực tiếp không qua thiết bị hạn chế ô nhiễm và xả nước thải vào nguồn nước không đúng vị trí với giấy phép được cấp. Sau khi bị phát hiện, Công ty Vedan bị phạt hành chính với tổng số tiền là 267 triệu 500 nghìn đồng về các nội dung vi phạm bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Công ty Vedan được yêu cầu phải nộp khoản truy thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là hơn 127 tỷ đồng. (Nguồn: <http://vneconomy.vn/2008100708395453P0C5/vedan-bi-xu-phat-267-trieu-dong.htm>)

5. Báo cáo của Sở Khoa học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (2009).

6. Mặc dù xuất khẩu hàng chế tác tăng ấn tượng trong thập kỷ qua, song nếu phân loại hàng xuất khẩu Việt Nam theo hàm lượng công nghệ, thì đa phần hàng chế tác xuất khẩu Việt Nam thuộc nhóm sử dụng nhiều tài nguyên và công nghệ thấp, nhóm công nghệ cao và trung bình chỉ chiếm 5% tổng xuất khẩu và tỷ trọng này không thay đổi gì trong 10 năm qua (Nixson và Walter, 2010, *đoạn 3, tr.7*).

7. Các số liệu hiện có cho thấy tại Việt Nam tổng chi tiêu cho hoạt động R&D ở mức 0,01% doanh số là “cực kỳ thấp” và các doanh nghiệp nhà nước chắc chắn sẽ đầu tư vào R&D hơn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Nixson và Walter, 2010, *đoạn 2, tr.8*).

8. Theo thống kê năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mỗi năm nước ta thải ra khoảng 100 triệu tấn mùn cưa; 250 triệu tấn vỏ lạc ;

4,5 triệu tấn, vỏ hạt điều, bã mía, và gỗ vụn khoảng 400 triệu tấn. Và lượng chất thải rắn do vật nuôi thải ra khoảng 80,49 triệu tấn. Đây là tiềm năng lớn để Việt Nam phát triển năng lượng sinh khối và năng lượng sinh học Biogas.

9. Ô nhiễm môi trường đã và đang tác động trực tiếp tới sức khỏe cộng đồng, sản xuất nông nghiệp, gây ra những thiệt hại to lớn về kinh tế và ảnh hưởng xấu tới các hệ sinh thái tự nhiên. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam có thể chịu tổn thất do ô nhiễm môi trường lên tới 5,5% GDP mỗi năm. Còn theo Cục Y tế, Bộ Giao thông Vận tải, ước tính thiệt hại kinh tế do ô nhiễm không khí đối với dân nội thành Hà Nội là 66,33 triệu USD/năm, đối với dân nội thành TP.HCM là 70,96 triệu USD/năm. Trong những năm qua, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, chất thải rắn... có xu hướng gia tăng, tác động ngày càng trầm trọng tới đời sống và các hoạt động kinh tế - xã hội. Đây cũng là nguyên nhân gây ra hàng loạt xung đột về môi trường, điển hình là xung đột lợi ích giữa các nhóm cộng đồng trong khai thác sử dụng tài nguyên, giữa những nhóm gây ô nhiễm và cộng đồng bị ô nhiễm. (Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường).

10. Thuế là công cụ dựa vào thị trường và là một phương thức hiệu quả nhằm kích thích đầu tư xanh, hiện nay do hiện tượng giá cả bị sai lệch nên không khuyến khích được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh. Một giải pháp cho vấn đề này là “nội hoá chi phí tác động ngoại biên” vào giá hàng hoá/dịch vụ thông qua thuế hiệu chỉnh, phí, hoặc sử dụng các công cụ dựa vào thị trường khác như hệ thống giấy phép giao dịch... Thuế là công cụ hữu hiệu nhất giúp Chính phủ quản lý doanh nghiệp giảm lượng khí thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả và kích thích đổi mới. Các loại thuế liên quan đến môi trường có thể tạm chia thành 2 loại: (1) Thuế áp dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền, đánh trực tiếp và nhà sản xuất, hoặc người tiêu dùng do họ gây ô nhiễm; (2) và thuế tuân theo nguyên tắc “người hưởng lợi trả tiền, trong đó tập trung vào thuế khai thác, sử dụng tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái.

11. Quan điểm “nhà nước can thiệp vào quá trình phát triển” (*developmental state*) do Chang Ha-Joon phát triển với lập luận trong thời đại toàn cầu hoá hiện nay, nhà nước cần đóng vai trò *xác lập các lợi thế so sánh mới* (*Comparative advantage-defying*) để nâng cấp nền công nghiệp, thay vì chỉ khai thác các lợi thế cạnh tranh sẵn có (*Comparative advantage-following*) như quan điểm “nhà nước tạo thuận lợi cho phát triển” (*facilitating state*) của Justin Lin (Kinh tế trưởng NHTG Ngân hàng Thế giới),

nghĩa là nhà nước đóng vai trò tạo điều kiện cho năng lực của khu vực tư nhân trong việc khai thác các lợi thế so sánh của một quốc gia.

Tài liệu tham khảo

1. Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường (tài liệu dịch của UNEP), 2011. *Hướng tới nền kinh tế xanh, lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo*, Báo cáo tổng hợp phục vụ các nhà hoạch định chính sách, Nxb. Nông nghiệp.

2. Tài liệu phục vụ diễn đàn ASEM về tăng trưởng xanh, Hà Nội, ngày 03/10/2011.

3. Green Korea 2011. *Green growth - Challenge, Strategy and Cooperation*, 15 September 2011.

4. Sukhdev, P. và Nuttall, N., 2010. *A Brief For PolicyMakers on the Green Economy and Millennium Development Goals*, United Nations Environment Programme.

5. Barbier, E. B., 2009. *Rethinking the Economic Recovery: A Global Green New Deal*, UNEP.